

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 76A/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19-7-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Thanh;

- Bà Lê Thị Vân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Lưu Như N**, sinh năm 1990; thường trú tại: Ấp ML, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang; tạm trú tại: Ấp Quý Thạnh, xã Tân Hội, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- **Bị đơn:** Anh **Huỳnh Công D**, sinh năm 1991; cư trú tại: Ấp ML, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Lưu Như N trình bày: Chị và anh Huỳnh Công D tự tìm hiểu và tổ chức đám cưới vào năm 2011, đến ngày 22-4-2014 thì tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Tiên. Sau khi cưới, chị về sống với gia đình anh D tại xã Long Tiên. Sống được khoảng 01 năm thì anh D thường xuyên cờ bạc nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị ở xã Tân Hội để sống, anh D cũng đến sống cùng chị, và thời gian này anh D vẫn tiếp tục cờ bạc, khi phụ chị trong việc mua bán thì lại còn giấu tiền để cờ bạc. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do anh D cờ

bạc, anh D bán hết số tài sản của bên chồng cho để đánh bài, đá gà, chơi số đề, anh D còn lấy tiền của chị nhiều lần để chơi, tổng cộng khoảng 200.000.000 đồng. Chị đã khuyên nhủ anh D nhiều lần nhưng anh D vẫn không thay đổi nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh D còn xúc phạm chị, ngoài cờ bạc thì anh D cũng không quan tâm gì đến vợ con. Vì vậy, chị và anh D đã ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Huỳnh Quốc K, sinh ngày 02-9-2014 và Huỳnh Quốc T, sinh ngày 09-8-2018. Hiện hai cháu đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù anh Huỳnh Công D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Giang không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, chị Lưu Như N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh D, đồng thời yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, theo đó việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Đối với yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của chị N là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lưu Như N và anh Huỳnh Công D tranh chấp về ly hôn; anh D cư trú tại ấp Mỹ Lương, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Bị đơn, anh Huỳnh Công D không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh D.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị Lưu Như N và anh Huỳnh Công D là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 102/2014, ngày 22-10-2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D thường xuyên cờ bạc, không quan tâm gì đến vợ con nên từ đó vợ chồng hay cự cãi, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Từ cuối năm 2018 đến nay thì vợ chồng đã sống ly thân, anh D không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Các tình tiết do phía chị N nêu ra, được chính quyền địa phương xác nhận là đúng và phía anh D không có ý kiến gì phản đối là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Anh D không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị N, cũng như để hàn gắn tình cảm vợ chồng nếu như còn yêu thương vợ nên xem như anh D đã không còn quan tâm đến hôn nhân của vợ chồng. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” và “vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị N và anh D đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ.

[4] Về con chung: Giữa chị N và anh D có 02 con chung là cháu Huỳnh Quốc K, sinh ngày 02-9-2014 và Huỳnh Quốc T, sinh ngày 09-8-2018, hiện hai con đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chị N có yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao hai con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, tránh làm xáo trộn cuộc sống, tâm lý của hai cháu. Chị N không yêu cầu phía anh D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu sau này chị N có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung, tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh D không có ý kiến gì về các vấn đề này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lưu Như N là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Như N. Cho chị Lưu Như N được ly hôn với anh Huỳnh Công D.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Quốc K, sinh ngày 02-9-2014 và Huỳnh Quốc T, sinh ngày 09-8-2018 cho chị Lưu Như N trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Anh Huỳnh Công D không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị N chưa yêu cầu.

Anh Huỳnh Công D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Lưu Như N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 16521 ngày 25-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như chị N đã thi hành xong án phí.

Chị Lưu Như N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo của anh Huỳnh Công D là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã L, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực